

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày 26/9/2018.
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤC HOÀ - CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:** Bà **Nông Thị Bằng** .
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - + Ông **Lý Trung Hải**
 - + Ông **Đàm Văn Nhượng**
- **Thư ký phiên toà:** Bà **Mã Thu Viện** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:** Bà **Đàm Thị Hòa** -Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân Huyện Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 01/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2017, Về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp về thừa kế tài sản; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Phục Hoà, Cao Bằng giữa các đương sự.

- **Nguyên đơn:** **Ma Thanh H** - Sinh năm 1959.

Địa chỉ : Phố PH 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên toà.

- **Nguyên đơn:** **Ma Văn T1** - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Đội 3, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt tại phiên toà.

- **Bị đơn:** **Ma Văn T2** - Sinh năm 1967.

Nơi cư trú: xóm Đ, thị trấn L, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên toà.

- **Bị đơn:** **Ma Thị T** - Sinh năm 1962.

Trú tại: xóm Đ, thị trấn L, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên toà.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà **Ma Thị Đ** – Sinh năm 1965

Trú tại: xóm P, thị trấn L, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên toà.

+ Ông **Ma Văn T3 (Ăn)** – Sinh năm 1978.

Trú tại: xóm N, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 02 năm 2017 và quá trình tố tụng ông Ma Thanh H và Ma Văn T1 trình bày:

Bố mẹ của các ông là cụ Ma Văn C chết năm 2009 và cụ Bế Thị N chết năm 2007, có 06 người con chung là: Ma Thanh H, Ma Thị T, Ma Thị Đ, Ma Thị N (đã chết), Ma Văn T1, Ma Văn T2.

Năm 1994, bố mẹ đã tổ chức họp gia đình để phân chia tài sản gồm trâu, đất ruộng gồm có đám Nà Đuốc, đám Nà Ngảm, đám Thôm Roỏng (Nà Thôm); và đám rẫy (gọi là Cốc Lùng) có biên bản họp gia đình không qua công chứng chứng thực của UBND xã. Theo giấy chia đất thì ông Ma Thanh H được chia 1/4 đám rẫy Cốc Lùng (phần ở giữa) và 1/2 đám Nà Thôm (phần ở phía Tây Nam); ông Ma Văn T1 được chia 1/4 đám Cốc Lùng (Phần phía Tây) và 1/2 đám Nà Thôm (phần phía Đông). Sau khi chia xong, bố mẹ vẫn quản lý, canh tác số ruộng đất trên cùng với Ma Văn T2. Nay ông H yêu cầu được sử dụng các thửa số 32, 42 tờ bản đồ số 62 và thửa 52 tờ bản đồ số 64. Ông T1 yêu cầu sử dụng các thửa 36 tờ bản đồ số 62, và thửa 5 tờ bản đồ số 64. Thửa số 41 tờ bản đồ số 62 để làm nơi chôn cất bố mẹ. Còn thửa 31 tờ bản đồ số 62 bố mẹ đã mua lại với T2 nên là di sản thừa kế, yêu cầu chia cho ba con trai. Ngoài ra ông H còn yêu cầu ông T2, bà T bồi thường hoa màu từ năm 2010 cho đến nay.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại tòa án của bị đơn, ông Ma Văn T2 xác nhận về quan hệ gia đình như ông H trình bày đúng. Năm 1994 bố mẹ đã tổ chức họp gia đình để phân chia tài sản gồm trâu, ruộng đất, nhưng sự phân chia không thống nhất, chỉ là tạm thời, có biên bản họp gia đình nhưng không qua công chứng của Ủy ban nhân dân xã. Sau khi chia, bố mẹ vẫn quản lý số tài sản trên và ở với ông tại xóm Nà Thắm, xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa. Ông không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông H và ông T1 với lý do các thửa đất trên đã được Tòa án nhân dân huyện Phục Hòa và Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng giải quyết chia di sản thừa kế vào năm 2013 và ông đã có trách nhiệm thanh toán tiền chia kỹ phần cho các diện thừa kế đầy đủ. Nay ông H, ông T1 yêu cầu chia các thửa đất trong đám Cốc Lùng ông không nhất trí. Đối với đám Nà Thôm, phần của Ma Văn T1 sau khi được chia đã bán 1/2 đám Nà Thôm cho chị T, còn phần của ông H sau khi được chia không canh tác sử dụng, nay ông H yêu cầu lấy phần của mình ông không nhất trí.

Trong quá trình tố tụng tại tòa, Bị đơn bà Ma Thị T trình bày: Năm 1994, lúc bố mẹ còn sống đã chia đất cho các con trai nhưng chỉ nói bằng miệng. Đám Cốc Lùng chia làm 4 phần, phần đất thứ 4 có nhà, vườn bố mẹ đang ở, phần đất này đã được Tòa án giải quyết chia thừa kế năm 2013. Đám Nà Thôm chia làm hai phần cho H và T1 mỗi người một phần. Sau khi chia xong, T1 không canh tác phần của mình nên để lại cho bố là cụ C, và cụ C đã chuyển nhượng lại cho bà, bà đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông H yêu cầu sử dụng thửa 52 bà không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị Đ trình bày: Năm 1994, bố mẹ có chia đất cho các con trai nhưng chỉ là chia tạm thời và nói bằng miệng. Đám Cốc

Lùng chia làm 4 phần, 3 con trai mỗi người giữ một phần, bố mẹ giữ một phần, đám Nà Thôm chia làm 2 phần cho H và T1 mỗi người một nửa. Đối với phần của T1 ở đám Cốc Lùng bố mẹ đã thanh toán bằng tiền 400.000 đồng, còn phần ở Nà Thôm năm 2000 đã bán cho chị T với giá là 1.500.000 đồng. Đối với phần của anh H ở đám Cốc Lùng và Nà Thôm, bố mẹ đã thanh toán cho 25 bao thóc. Nay anh H và T1 yêu cầu sử dụng một phần trong đám Cốc Lùng và 1/2 đám Nà Thôm bà không nhất trí mà phần đất này để lại cho Thượng quản lý vì đã có công chăm sóc, phụng dưỡng, lo hương hỏa cho bố mẹ.

Trong quá trình tố tụng tại tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Văn T3 (Ăn) trình bày: năm 2016 gia đình ông có mua với T2 một phần trong đám rẫy Cốc Lùng bao gồm các thửa 31, 41, 42 tờ bản đồ số 62, và thửa 5 tờ bản đồ số 64 với số tiền là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, hiện nay gia đình đang trồng cỏ voi trên thửa đất số 31. Nay, mấy anh em ông H, T1, T2 phát sinh tranh chấp đám đất này, ông yêu cầu ông T2 trả lại 70.000.000 đồng, nếu không trả tiền được thì yêu cầu được sử dụng phần đất của ông T2 được chia trong đám Cốc Lùng.

Vụ án đã được tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tại phiên tòa các đương sự không thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên quan điểm của mình.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017 Tòa án cùng cơ quan chuyên môn đã đi xem xét thẩm định các thửa đất đang tranh chấp, và Công văn số 29/CV-UBND ngày 26/6/2017 của UBND xã Mỹ Hưng xác định lại thửa đất đám Nà Thôm và Bbieen bản xác minh ngày 06/8/2018 cho thấy các thửa đất đang tranh chấp có diện tích như sau:

- Đám Cốc Lùng bao gồm các thửa:

- + thửa 31 có diện tích 961.7 m²
- + thửa 32 có diện tích 1170.3 m²
- + thửa 36 có diện tích 1344.7 m²
- + thửa 41 có diện tích 747.4 m²
- + thửa 42 có diện tích 491.3 m²
- + thửa 5 có diện tích 556 m²

- Đám Nà Thôm gồm các thửa

- + thửa 52 có diện tích 1.410 m²
- + thửa 351 có diện tích 997.9 m²

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: căn cứ Điều 136 Luật Đất đai năm 2003; Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ma Thanh H và Ma Văn T1 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: theo đơn khởi kiện của ông Ma Thanh H và ông Ma Văn T1 yêu cầu ông Ma Văn T2 phải trả lại các thửa đất 42, 32, 36, tờ bản đồ số 62; thửa 5, tờ bản đồ số 64, và chia di sản thừa kế thừa số 31, 41 tờ bản đồ số 62 của đám rẫy Cốc Lùng. Và Ông Ma Thanh H yêu cầu được quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ đám ruộng Nà Thôm tại thửa 52 tờ bản đồ số 64. Phía bị đơn không chấp nhận và không có yêu cầu phản tố nên về quan hệ pháp luật cần giải quyết được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phục Hòa quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về mối quan hệ: Ông Ma Thanh H, Ma Thị T, Ma Văn T1, Ma Văn T2 là anh em ruột. Còn ông Ma Văn T3 và vợ là bà Luân Thị L là quan hệ hàng xóm với ông Ma Văn T2.

[3] Về nội dung:

Tháng 10/1994 cụ Ma Văn C và cụ Bế Thị N đã lập giấy chia đất tài sản kế thừa cho 03 con trai, đối với đám rẫy Cốc Lùng chia làm 4 phần, mỗi người con trai một phần, còn một phần các cụ giữ lại để dưỡng lão. Năm 2007 Cụ N chết, năm 2009 cụ C chết.

Sau khi xem xét nguồn gốc các thửa đất đang tranh chấp có tên gọi là đám Cốc Lùng và đám Nà Thôm là của hai cụ C, cụ N. Đối với đám Cốc Lùng bao gồm các thửa 31, 41, 32, 42, 36 tờ bản đồ số 62 và thửa 5 tờ bản đồ số 64 có tổng diện tích là 5271.4m². Các đương sự đều thừa nhận cụ C, cụ N chia làm 4 phần, 3 con trai là H, T2, T1 mỗi người được chia $\frac{1}{4}$, còn một phần là của bố mẹ giữ. Theo nội dung "Bản chia đất tài sản kế thừa" ngày 05/10/1994 thì không có phân chia diện tích cụ thể, tuy nhiên có xác định vị trí đất của mỗi người được chia: phần ông T1 ở phía Đông, phần ông H ở giữa, phần ông T2 ở phía Tây, phần các cụ C, cụ N giữ lại là phần đất vườn ở phía Nam (liền kề ngôi nhà các cụ đang ở bây giờ). Với nội dung bản chia đất như trên được coi là hợp đồng tặng cho phù hợp với phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi chia, ông H, ông T1 không canh tác sử dụng phần đất của mình được chia mà bố mẹ và T2 vẫn canh tác, nộp thuế. Tại Tòa Bà T, Bà Đ cho rằng phần đất của ông T1 và ông H bố mẹ đã thanh toán bằng tiền và bằng thóc nên phần đất của Ông H và ông T1 vẫn thuộc về bố mẹ, nhưng việc thanh toán trên không được lập thành văn bản và không có người ngoài làm chứng, các đương sự cũng không xuất trình được chứng cứ khác chứng minh việc bố mẹ mua lại các phần đất của ông H, ông T1, nên phần đất đã được chia vẫn thuộc quyền sử dụng của ông H và ông T1. Đối với thửa 31 tờ bản đồ số 62 ông H cho rằng bố mẹ đã mua lại phần đất này với T2 nhưng cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc mua bán giữa T2 với cụ C cụ N nên phần đất này vẫn thuộc về ông T2 chứ không phải là di sản thừa kế của cụ C, cụ N.

Về phần đất thứ 4 bao gồm các thửa 41, 42, tờ bản đồ số 62, thửa số 5 tờ bản đồ số 64, theo nội dung "Bản chia đất tài sản kế thừa" của hai Cụ C, cụ N thì

phần đất trong đám Cốc Lùng của các cụ sẽ thuộc về người nào có công chăm sóc phụng dưỡng tuổi già và lo tang cất, hương hỏa cho các cụ, nếu các cụ không ở với ai, các con chung nhau đóng góp để lo tang thì phần đất đó chia lại. Theo yêu cầu của ông H, ông T1 yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất thứ 4, nhưng hội đồng xét xử xét thấy phần đất này theo nguyện vọng của các cụ C, cụ N được coi là di sản dùng vào việc thờ cúng vì khi còn sống các cụ C, cụ N sống chung với Ông T2, được ông T2 chăm sóc, phụng dưỡng và lo mai táng khi qua đời. Tại phiên tòa bà T, bà Đ cũng thừa nhận ông T2 có công chăm sóc phụng dưỡng cụ C, cụ N khi còn sống và lo mai táng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao phần đất này cho Thượng quản lý để làm nơi chôn cất và thờ cúng các cụ.

Với chứng cứ và nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ma Thanh H và Ma Văn T1 đòi ông Ma Văn T2 trả lại cho mỗi người $\frac{1}{4}$ diện tích đám Cốc Lùng.

Đối với đám ruộng Nà Thôm ở xóm Nà Thắm, xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa, theo nội dung "Bản chia đất tài sản kế thừa" thì ông H được chia $\frac{1}{2}$ đám Nà Thôm có vị trí ở phía Đông (thửa 351 tờ bản đồ số 64), Ông Thắng được chia $\frac{1}{2}$ có vị trí ở phía Tây (thửa 52 tờ bản đồ số 64). Trong quá trình hòa giải, giữa hai ông T1 và ông H xác nhận có sự đổi thửa đất với nhau nhưng không có nhân chứng và không xác định được thời gian đổi thửa. Theo công văn số 21/CV-VPĐK ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Phục Hòa thì đám Nà Thôm theo bản đồ đo đạc năm 1998 là thửa đất số 52, tờ bản đồ số 64 có diện tích $2388,4m^2$. Năm 2004, xã Mỹ Hưng có dự án cấp đổi, cấp bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất được chỉnh lý tách thành 02 thửa đất gồm thửa đất số 52, diện tích $1410,1m^2$ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ma Thị Tâm và thửa đất số 351, diện tích $997,9m^2$ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào giấy chuyển nhượng đất giữa Cụ Ma Văn C và Bà Ma Thị T lập ngày 21/10/2000 và các lời khai của đương sự thì phần đất của ông T1 ở Đám Nà Thôm chuyển nhượng cho bố là Cụ Ma Văn C nhưng do cụ C không đủ tiền thanh toán nên bà Ma Thị T đã mua lại phần đất của ông T1. Tòa án cũng đã xác minh về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ma Thị T đối với thửa 52 tờ bản đồ số 64, kết quả xác minh thấy rằng diện tích đất cụ C chuyển nhượng cho bà Tâm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là $1.150m^2$ và khi kê khai để nộp thuế và lệ phí cũng kê $1.150m^2$, tuy nhiên khi đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại không đúng với diện tích kê khai, do vậy cần phải điều chỉnh lại cho đúng với diện tích được chuyển nhượng là $1.150m^2$. Nay ông H yêu cầu được quản lý và sử dụng thửa đất 52 là không có căn cứ vì bà T đã quản lý và sử dụng thửa đất liên tục kể từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 đứng tên Ma Thị T và Trần Văn Q.

Ngoài ra ông Ma Thanh H yêu cầu ông Ma Văn T2 phải bồi thường thiệt hại về hoa màu từ năm 2010 cho đến nay, và đền bù 11 cây nhãn, bưởi. Tòa án xét thấy yêu cầu của ông H là không có căn cứ vì thiệt hại về hoa màu từ năm 2010 đến nay, và các cây ăn quả không có cơ sở để tính giá trị thiệt hại là bao

nhieu vì khi thiệt hại xảy ra không có chính quyền địa phương tiến hành xác minh lập biên bản, và cũng không có sự can thiệp trên thực tế của ông Hải trên thửa đất từ khi xảy ra tranh chấp đến nay, nên yêu cầu này của ông Hải Tòa không chấp nhận.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ma Văn T3 được mua với ông Ma Văn T2 một phần đất trong đám Cốc Lùng với giá là 70.000.000đồng, hai bên chỉ nói bằng miệng không lập thành văn bản. Tại Tòa ông Ma Văn T3 yêu cầu ông Ma Văn T2 trả lại số tiền trên, nếu T2 không trả lại tiền được thì phần đất của ông Ma Văn T2 được chia tại đám Cốc Lùng sẽ do ông quản lý, sử dụng. Xét thấy, tại thời điểm ông Ma Văn T3 và ông Ma Văn T2 chuyển nhượng đất đai đám Cốc Lùng đang xảy ra tranh chấp, giữa các bên cũng không lập hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai nên giao dịch này vô hiệu, do đó Ông Ma Văn T2 phải trả lại số tiền trên cho ông Ma Văn T3, đồng thời ông Ma Văn T3 cũng phải trả lại thửa đất số 31 tờ bản đồ số 62 cho ông Ma Văn T2.

Đối với số tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ ông Ma Thanh H và Ma Văn T đã nộp cho Tòa Án mỗi người 500.000 đồng. Ngày 31 tháng 5 năm 2017 Tòa án đã thanh toán chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với đám Cốc Lùng các ông H, T1, T2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Đối với đám Nà Thôm, do yêu cầu của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu chi phí là 100.000 đồng. Ông T2 phải nộp số tiền xem xét thẩm định tại chỗ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phục Hòa để hoàn trả cho ông H 100.000 đồng, hoàn trả cho ông T1 200.000 đồng.

Đối với chi phí giám định chữ viết vụ số 378/C54-P5 hết 5.000.000đồng. Ông Ma Thanh H và Ma Văn T1 đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.000.000 đồng. Về nghĩa vụ chịu chi phí giám định xét thấy yêu cầu của ông H và ông T1 đối với đám đất Cốc Lùng chỉ được chấp nhận một phần, nên ông H, ông T1 phải chịu chi phí giám định đối với phần yêu cầu của mình là không có căn cứ. Đồng thời ông T2 cũng phải chịu chi phí giám định tương ứng với phần yêu cầu đã được chứng minh là có căn cứ của hai ông H, T1.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 401, 670 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 5 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 167, điểm b Khoản 1, Khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 157, 158, 161, 162 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Khoản 4 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn Ma Thanh H, Ma Văn T1 được sử dụng một phần trong đám rẫy Cốc Lùng có tổng diện tích là 5.271.4 m²:

Ông Ma Văn T1 được sử dụng 1/4 đám Cốc Lùng có diện tích 1.317.8 m² (chưa trừ hành lang lộ giới) ở phía Đông Bắc, số thửa 36 tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại xóm Nà Thâm, xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Ông Ma Thanh H được sử dụng 1/4 đám Cốc Lùng có diện tích 1317.8 m², (chưa trừ hành lang lộ giới) có vị trí ở giữa đám Cốc Lùng, số thửa 32 tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại xóm Nà Thắm, xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Ông Ma Văn T2 được sử dụng 1/4 đám Cốc Lùng có diện tích 1317.8 m² (chưa trừ hành lang lộ giới) ở phía Tây Bắc, số thửa 31 tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại xóm Nà Thắm, xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.

2. Giao cho ông Ma Văn T2 quản lý một phần các thửa 41, 42 tờ bản đồ số 62, thửa 5 tờ bản đồ số 64 có tổng diện tích là 1317.8 m² tọa lạc tại xóm Nà Thắm, xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa để thực hiện việc thờ cúng các Cụ Ma Văn C, cụ Bế Thị N.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ma Thanh H đòi quyền sử dụng đối với thửa 52 tờ bản đồ số 64 diện tích 1410m². Công nhận phần diện tích 1.150 m² thửa số 52 tờ bản đồ số 64 tọa lạc tại xóm Nà Thắm, xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa thuộc quyền sử dụng của Bà Ma Thị T.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan hành chính Nhà nước làm thủ tục về đất đai đã được chia theo quy định của pháp luật để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Ma Thị T phải đi kê khai đăng ký biến động về đất đai theo quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Thanh H yêu cầu ông Ma Văn T2 phải bồi thường thiệt hại về hoa màu từ năm 2010 cho đến nay, và đền bù 11 cây nhãn, bưởi do không có căn cứ.

5. Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đám đất Cốc Lùng giữa ông Ma Văn T3 (Ăn) và ông Ma Văn T2 do đây là hợp đồng vô hiệu. Ông Ma Văn T2 phải trả lại số tiền 70.000.000 đồng cho ông Ma Văn T3, đồng thời ông Ma Văn T3 cũng phải trả lại thửa đất số 31 tờ bản đồ số 62 cho ông Ma Văn T2.

6. *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Ông Ma Thanh H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 400.000 đồng; ông Ma Văn T2, ông Ma Văn T1, mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 300.000 đồng. Ông H và ông T1 được trừ vào số tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp cho Tòa án mỗi người 500.000 đồng. Ông T2 có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phục Hòa để nộp số tiền trên để hoàn trả cho ông Ma Thanh H 100.000 đồng, hoàn trả cho ông Ma Văn T1 200.000 đồng.

7. *Về chi phí giám định:* Ông Ma Thanh H phải chịu 2.000.000 đồng, Ông Ma Văn T1, ông Ma Văn T2 mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng. Ông H và ông T1 được trừ vào số tiền tạm ứng định giá đã nộp cho Tòa án mỗi người 2.500.000 đồng. Ông T2 có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phục Hòa để nộp số tiền trên để hoàn trả cho ông Ma Thanh H 500.000 đồng, hoàn trả cho ông Ma Văn T1 1.000.000 đồng.

8. *Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:* Ông Ma Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phục Hòa, Cao Bằng theo biên lai số 01935 ngày 13 tháng 02 năm 2017, ông hải còn được hoàn lại 150.000 đồng. Ông Ma Văn T2 phải chịu án phí là 150.000 đồng. Ông Ma

Văn T1 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phục Hòa , Cao Bằng theo biên lai số 01936 ngày 13 tháng 02 năm 2017.

9. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án*: các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKS Huyện;
- THADS Huyện;
- Các đ-ơng sự;
- L- u HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nông Thị Bằng